

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HS-ST

Ngày: 15-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tư Sanh

Ông Đoàn Hồng Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đầu - Kiểm sát viên.

Ngày 15-01-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, số 642 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 173/2019/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2019/ QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN HOÀNG S, sinh năm 1971 tại Sài Gòn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không, Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Ch; vợ là Nguyễn Thị Bé H, có hai con, con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/11/2018 - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1973 (có mặt)

Thường trú: đường A, Phường B, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: đường K, Phường H, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7/2017, Nguyễn Hoàng S thông qua mối quan hệ quen biết ngoài xã hội liên lạc với một người phụ nữ tên H2 (không rõ lai lịch) nhờ làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Hoàng S số BĐ 795710 đối với căn nhà địa chỉ số đường X, Phường Y, Quận Z với số tiền công làm là 20.000.000 đồng. Khoảng một ngày sau, H2 giao Giấy chứng nhận cho S và nhận tiền. Sau

đó Nguyễn Hoàng S thông qua mối quan hệ quen biết ngoài xã hội, biết bà Phạm Thị H1 có nhu cầu cho vay tiền. Sau khi thỏa Th, ngày 03/7/2017, S và bà H1 đến Phòng Công chứng số 2 tại địa chỉ 94-96 Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5 ký hợp đồng vay tiền có công chứng với số tiền vay là 150.000.000 đồng, không tính lãi suất. Sau khi ký hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng, S đưa cho bà H1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Hoàng S số BĐ 795710. Tiếp đó S và bà H1 ký với nhau một hợp đồng cố nhà ở với nội dung S cố lại căn nhà đường X, Phường Y, Quận Z cho bà H1, một hợp đồng thuê nhà với nội dung S thuê lại căn nhà trên với giá 6.000.000 đồng/tháng. Số tiền thuê nhà này thực chất là hình thức trả lãi hàng tháng đối với khoản vay 150.000.000 đồng. S lấy số tiền vay của bà H1 đóng tiền lãi cho bà H1 được 06 tháng với tổng số tiền là 36.000.000 đồng. Sau đó, S không có khả năng đóng nữa. Bà H1 không liên lạc được với S.

Nghi ngờ giấy chứng nhận S đã đưa là giấy giả nên ngày 24/4/2018, bà H1 làm đơn tố cáo gửi Công an Quận 5. Qua xác minh, căn nhà đường X, Phường Y, Quận Z thuộc sở hữu của bà Võ Thị Ch là mẹ ruột của S và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tháng 4/2018, bà Ch đã bán căn nhà trên và chuyển đi nơi khác ở.

Ngoài ra, vào tháng 10/2017, S giới thiệu cho Trần Tú Ng nhờ H2 làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Tú Ng số BR 826356 đối với căn nhà đường M, Phường N, Quận L. Ngày 25/10/2017, Ng và bà H1, bà Phan Thị Bích Th đến Phòng công chứng số 2 tại 94-96 Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5 ký hợp đồng vay tiền có công chứng với số tiền vay là 200.000.000 đồng, không tính lãi suất. Sau khi ký hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng, Ng đưa cho bà Th Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Tú Ng số BR 826356, rồi Ng và bà Th ký với nhau một hợp đồng cố nhà ở với nội dung Ng cố lại căn nhà đường M, Phường N, Quận L cho bà Th, một hợp đồng thuê nhà ở với nội dung bà Th cho Ng thuê lại căn nhà trên với giá 8.000.000 đồng/1 tháng. Số tiền thuê nhà này thực chất là hình thức trả lãi hàng tháng đối với khoản vay 200.000.000 đồng. Ng đóng tiền thuê nhà cho bà H và bà Th được 05 tháng và tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Sau đó, Ng không đóng nữa. Bà H, bà Th không liên lạc được với Ng. Nghi ngờ giấy chứng nhận Ng đã đưa là giấy tờ giả nên bà H và bà Th đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Công an.

Qua xác minh, Trần Tú Ng vắng mặt tại địa phương từ năm 2000, đi đâu không rõ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận 5 đã thông báo truy tìm đối tượng Trần Tú Ng. S giới thiệu Ng cho bà H, bà Th nên được Ng chi tiền hoa hồng 20.000.000 đồng là 10% số tiền vay được. Qua xác minh, căn nhà đường M, Phường N, Quận L thuộc sở hữu của vợ chồng ông bà Trần Minh T, Nguyễn Thị M hiện không có mua bán, thế chấp.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5, Nguyễn Hoàng S khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng: Thu giữ của bà Phạm Thị H1 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Hoàng S số BĐ 795710.

Thu giữ của bà Phan Thị Bích Th: 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Tú Ng số BR 826356.

01 (một) Hợp đồng cầm cố nhà viết tay, không có công chứng, chứng thực giữa Nguyễn Hoàng S và bà Phạm Thị H1, bản photo, 01 (một) Hợp đồng thuê nhà ở viết tay, không có công chứng, chứng thực giữa Nguyễn Hoàng S và bà Phạm Thị H1, bản photo. 01 (một) Hợp đồng cầm cố nhà ở hoặc cho thuê viết tay, không có công chứng, chứng thực giữa Trần Tú Ng và Phan Thị Bích Th, bản photo. 01 (một) Hợp đồng cho thuê nhà ở viết tay, không có công chứng, chứng thực giữa Trần Tú Ng và Phan Thị Bích Th, bản photo. 01 (một) biên nhận tiền giữa Trần Tú Ng và Phan Thị Bích Th, bản photo.

Theo kết luận giám định số 876/KLGĐ ngày 30/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì hai giấy tờ nhà gồm các giấy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BĐ 795710 đề tên chủ sở hữu Nguyễn Hoàng S, “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BR826356 đề tên chủ sở hữu Trần Tú Ng, được làm giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Tại cáo trạng số 153/CTr-VKS ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm e khoản 2 điều 139, điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 (hai) năm 06(sáu) tháng đến 03(ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, đề nghị xử bị cáo từ 05 (năm) năm 06(sáu) tháng đến 06(sáu) năm 06(sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận sự thỏa Th của bị hại và bị cáo về bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân quận 5 trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều khoản áp dụng: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hoàng S đã có hành vi thuê người làm giả giấy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” nhằm lừa dối người bị hại để chiếm đoạt tiền là đã phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 267, Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo có là người có năng lực nhận thức, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Do đang cần tiền để trả nợ và tiêu xài, bị cáo đã thuê người làm giả một giấy tờ chủ quyền nhà “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” mang tên của bị cáo chủ sở hữu để lừa dối bị hại vay tiền.

Bị cáo đã dùng lời nói gian dối là cần tiền để buôn bán, đồng thời sử dụng “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” địa chỉ đường X, Phường Y, Quận Z để chiếm đoạt tiền của bà H. Bị hại tưởng thật nên đã giao tiền cho bị cáo dưới hình thức cho vay số tiền là 150.000.000đồng, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này, với số tiền bị cáo chiếm đoạt hành vi của bị cáo đã phạm vào tình tiết “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng” là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 điều 139 Bộ luật hình sự.

Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại H, bị cáo tiếp tục môi giới cho đối tượng Nguyễn Tú Ng gặp H2 để làm giả một tài liệu “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” địa chỉ đường M, Phường N, Quận L mang tên của Nguyễn Tú Ng chủ sở hữu để Ng lừa dối bà H, bà Th vay tiền.

Bị cáo đã hai lần thuê, môi giới cho người làm giả 2 giấy chứng nhận sở hữu nhà cho bị cáo và Ng, Ng cũng sử dụng giấy tờ nhà giả để lừa dối chiếm đoạt tiền. Hành vi của bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự. Cần áp dụng điều khoản luật vừa viện dẫn để xét xử bị cáo. Bị cáo phạm hai tội cần áp dụng điều 50 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản. Cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo, nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: hành vi của bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: số tiền bị cáo đã trả một phần cho bị hại H được xem là tình tiết tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, để áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa bà H và bị cáo đều xác nhận, bà H đã nhận lại của bị cáo số tiền tổng cộng là 47.500.000 đồng, bà H yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền là 120.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 120.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại. Xét việc bị cáo tự nguyện trả tiền số tiền theo yêu cầu của bà H, phù hợp với qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với đối tượng tên H2(không rõ lai lịch), Trần Tú Ng thì Công an quận 5 đã ra thông báo truy tìm khi nào bắt được xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hoàng S** phạm các tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267; điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33; Điều 45; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung 2009.

Xử phạt **Nguyễn Hoàng S 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù** về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, **02(hai) năm 06(sáu) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **05(năm) năm tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2018.

Căn cứ khoản 1 điều 42 của Bộ luật hình sự

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Phạm Thị H1 số tiền là 120.000.000 đồng(một trăm hai mươi triệu đồng)

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày bị hại, có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thanh toán khoản tiền phải bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Cơ quan CSĐT Công an Quận 5;
- Bộ phận THA HS Tòa án Quận 5;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Kim Liên

